

UBND TỈNH ĐỒNG NAI  
TRUNG TÂM CHỈ HUY  
ĐIỀU HÀNH PHÒNG,  
CHỐNG DỊCH COVID-19  
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

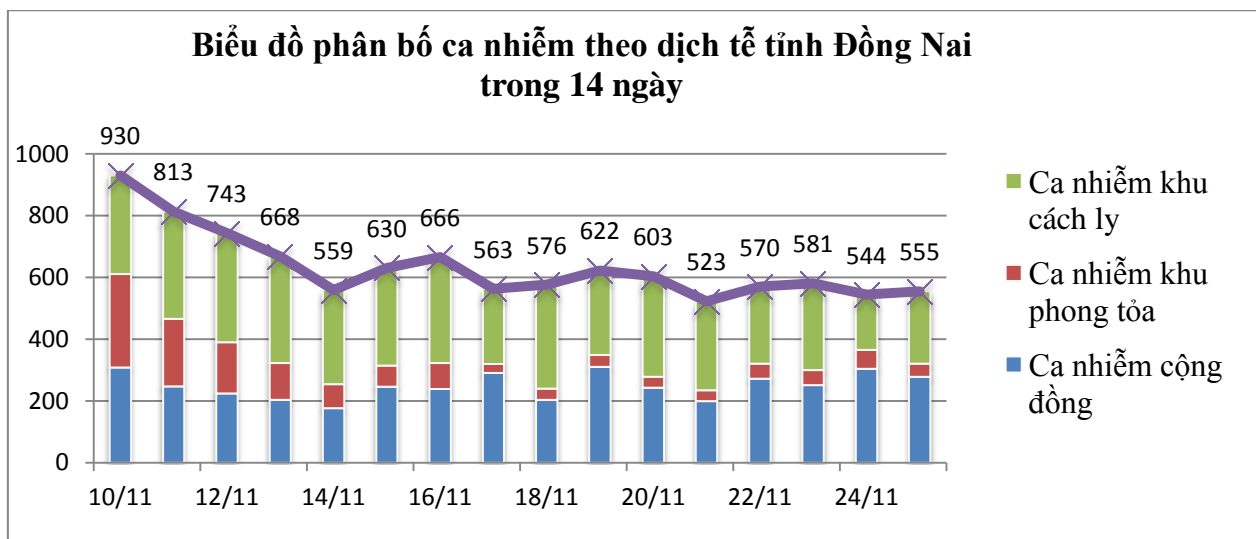
Số: 9950/BC-TTCH

Đồng Nai, ngày 26 tháng 11 năm 2021

**BÁO CÁO NGÀY**  
**Công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**  
**Đến 22h00 ngày 25/11/2021**

**I. Tình hình dịch bệnh (Từ ngày 27/4/2021 đến nay)**

TT	Địa phương	Số ca mắc mới trong ngày								Số F1	Số F2	Lũy kế ca bệnh
		Tổng cộng	Sàng lọc tại cơ sở y tế	Số ca trong khu CLTT	Số ca trong khu phong tỏa	Sàng lọc cộng đồng						
						Tổng	Trong đó					
							Cộng đồng	Khu nhà trọ	Doanh nghiệp			
1	Biên Hòa	382	200	182	0	0	0	0	0	301	0	35.474
2	Nhon Trạch	45	12	33	0	0	0	0	0	0	0	18.052
3	Vĩnh Cửu	16	11	5	0	0	0	0	0	194	0	12.838
4	Trảng Bom	39	25	14	0	0	0	0	0	190	0	8.488
5	Long Thành	19	2	0	17	0	0	0	0	-	-	3.353
6	Thống Nhất	15	10	0	5	0	0	0	0	16	0	1.600
7	Xuân Lộc	0	0	0	0	0	0	0	0	-	-	1.341
8	Định Quán	12	12	0	0	0	0	0	0	-	-	1.056
9	Long Khánh	27	6	0	21	0	0	0	0	210	4	997
10	Cẩm Mỹ	0	0	0	0	0	0	0	0	225	62	767
11	Tân Phú	0	0	0	0	0	0	0	0	-	-	700
12	Ngoại tỉnh, khác	0	0	0	0	0	0	0	0	-	-	402
<b>Tổng số</b>		<b>555</b>	<b>278</b>	<b>234</b>	<b>43</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>1136</b>	<b>66</b>	<b>85.068</b>



- F0 cộng đồng: trong ngày phát sinh 278 ca (giảm 8,6%) so với hôm qua, lũy kế trong 07 ngày là 1.860 ca (tăng 17,3% so với 7 ngày trước đó). cụ thể như sau:

- **Biên Hòa:** ghi nhận 200 ca ngụ tại An Bình (21), An Hòa (03), Bình Đa (07), Bửu Hòa (03), Bửu Long (01), Hóa An (02), Hồ Nai (04), Long Bình (63), Long Bình Tân (09), Phước Tân (15), Quang Vinh (02), Quyết Thắng (02), Tam Hiệp (06), Tam Hòa (02), Tam Phước (02), Tân Biên (09), Tân Hiệp (07), Tân Hòa (02), Tân Mai (07), Tân Phong (04), Tân Tiến (05), Thanh Bình (01), Thống Nhất (07), Trảng Dài (16).

- **Định Quán:** ghi nhận 12 ca ngụ tại Phú Cường (01), Phú Lợi (03), Phú Vinh (02), Suối Nho (03), Thanh Sơn (03).

- **Long Khánh:** ghi nhận 06 ca ngụ tại Bảo Vinh (01), Bàu Trâm (01), Bình Lộc (01), Hàng Gòn (01), Suối Tre (01), Xuân Bình (01).

- **Long Thành:** ghi nhận 02 ca ngụ tại Tam An (01), TT Long Thành (01).

- **Nhơn Trạch:** ghi nhận 12 ca ngụ tại Hiệp Phước (01), Long Thọ (02), Phú Hội (02), Phú Hữu (02), Phước Thiện (03), Vĩnh Thanh (02)

- **Thống Nhất:** ghi nhận 10 ca ngụ tại Bàu Hàm 2 (01), Gia Kiệm (02), Gia Tân 2 (04), Hưng Lộc (01), Quang Trung (01), Xuân Thiện (01)

- **Trảng Bom:** ghi nhận 25 ca ngụ tại Bắc Sơn (03), Bình Minh (01), Đồi 61 (01), Hồ Nai 3 (06), Quảng Tiến (01), Sông Trầu (04), TT Trảng Bom (06), Thanh Bình (03).

- **Vĩnh Cửu:** ghi nhận 11 ca ngụ tại Tân Bình (01), Vĩnh An (04), Thành Phú (03), Thiện Tân (03).

**Nhận xét:** Số ca nhiễm tại cộng đồng giảm 8,6% so với hôm qua, lũy kế trong 07 ngày tăng 17,3% so với 7 ngày trước đó. Các ổ dịch mới xuất hiện rải rác, có nguồn lây đa phần liên quan đến các doanh nghiệp sản xuất và người về từ vùng có dịch. Trong ngày có 08/11 huyện/thành phố ghi nhận ca mắc mới và ca mắc cộng đồng (trừ Cẩm Mỹ, Xuân Lộc, Tân Phú). Địa phương ghi nhận nhiều nhất tại An Bình (21), Long Bình (63), Long Bình Tân (09), Phước Tân (15), Trảng Dài (16) – Biên Hòa..

Số ca mắc mới tại cộng đồng (trừ ca mắc trong khu cách ly, nhập cảnh) /100.000 dân/tuần là 68 ca (Tổng dân số toàn tỉnh là 3.160.640 người theo báo cáo các huyện, thành phố).

## II. Công tác y tế

### 1. Cách ly, theo dõi sức khỏe:

	Trong ngày	Đang theo dõi	Kết thúc	Lũy kế
<b>Cách ly tập trung</b>	57	1.753	37.738	39.491
<b>Cách ly tại nhà</b>	2.276	36.226	86.059	111.285
<b>Theo dõi sức khỏe</b>	74	8.056	30.638	31.612

Trong đó :

- F1 : Đang theo dõi: 960; Lũy kế: 25.486
- F2: Đang theo dõi: 1.518; Lũy kế: 37.449

### 2. Điều trị

#### 2.1. Tình hình điều trị

	Đang điều trị		Khỏi bệnh		Tử vong		Nguy kịch/Đang điều trị
	Trong ngày	Lũy kế	Trong ngày	Lũy kế	Trong ngày	Lũy kế	
<b>Số lượng</b>	555	12.773	727	71.624	06	709	62
<b>Tỉ lệ</b>		<b>15,01%</b>		<b>84,16%</b>		<b>0,83%</b>	<b>0,49%</b>

- Các ca đang điều trị: ECMO 00 ca, thở máy xâm lấn 62 ca (0,49%), CPAP 44 ca (0,35%), HFNC 56 ca (0,44%), thở oxy 286 ca (2,25%), có triệu chứng trung bình 1.042 ca (8,20%), không triệu chứng hoặc triệu chứng nhẹ 11.277 ca (88,76%).

#### 2.2. Mô hình điều trị tháp 3 tầng

	Công suất	Đang theo dõi	Số giường còn lại
<b>Tầng 3</b>	321	310	11
<b>Tầng 2</b>	8.966	2.240	6.726
<b>Tầng 1</b>	8.623	2.419	6.204

#### 2.3. Theo dõi F0 tại nhà

STT	Địa phương triển khai	Ca mới trong ngày	Đang Theo dõi	Lũy kế
1	Biên Hòa	67	610	925
2	Long Khánh	124	870	937
3	Vĩnh Cửu	635	4755	6333

4	Định Quán	60	727	898
5	Tân Phú	91	675	845
6	Trảng Bom	25	621	1217
7	Thống Nhất	188	1414	1752
8	Cẩm Mỹ	67	666	651
9	Long Thành	411	2510	2510
10	Nhơn Trạch	105	463	493
	<b>Tổng</b>	<b>1.773</b>	<b>13.311</b>	<b>16.561</b>

\*Xuân Lộc chưa ghi nhận báo cáo cách ly F0 tại nhà

### 3. Tiêm vắc xin phòng COVID-19 (Cập nhật ngày 24/11)

#### 3.1. Tình hình tiêm chủng cho người trưởng thành từ 18 tuổi trở lên

STT	Địa phương	Số lượng tiêm trong ngày	Đã tiêm (Dữ liệu cập nhật trên hệ thống tiêm chủng MCC)			Tỉ lệ bao phủ (%)	
			Mũi 1	Mũi 2	Tổng	Mũi 1	Mũi 2
<b>A</b>	<b>Tỉnh Đồng Nai</b>		<b>2.839.511</b>	<b>2.241.930</b>	<b>5.081.441</b>	<b>113,21%</b>	<b>89,39%</b>
1	Biên Hòa		986.489	757.247	1.743.736	113,57%	87,17%
2	Long Khánh		145.136	113.099	258.235	119,14%	92,84%
3	Xuân Lộc		208.340	172.782	381.122	125,47%	104,06%
4	Tân Phú		123.132	100.848	223.980	91,67%	75,08%
5	Cẩm Mỹ		111.403	97.285	208.688	108,92%	95,12%
6	Trảng Bom		303.889	233.749	537.638	107,30%	82,54%
7	Định Quán		158.212	130.289	288.501	104,92%	86,40%
8	Vĩnh Cửu		151.721	118.036	269.757	125,24%	97,43%
5	Long Thành		246.307	199.859	446.166	128,91%	104,60%
10	Thống Nhất		129.655	105.187	234.842	99,50%	80,73%
11	Nhơn Trạch		275.227	213.549	488.776	115,41%	89,55%

- Tỉ lệ bao phủ vắc xin COVID-19 đối tượng từ 18 tuổi trở lên:

+ Mũi 1: 113,21% ; Mũi 2: 89,39%.

- Tỉnh Đồng Nai đã triển khai 22 đợt tiêm vắc xin phòng COVID-19 trên địa bàn tỉnh với tổng số vắc xin được phân bổ của Bộ Y tế là 4.886.878 liều.

TT	Địa phương	Người từ 65 tuổi trở lên (A) Mục tiêu tháng 10 đạt từ 80% trở lên			Người từ 50 tuổi trở lên (B) Mục tiêu tháng 11 đạt từ 80% trở lên		
		Dân số (A)	Số lượng (A) tiêm đủ liều	Tỷ lệ %	Dân số (B)	Số lượng (B) tiêm đủ liều	Tỷ lệ %
1	Biên Hòa	63.535	63.259	99,57	198.192	196.674	99,23
2	Long Khánh	13.089	13.051	99,71	37.675	36.408	96,64
3	Long Thành	23.449	22.318	95,18	59.238	57.007	96,23
4	Nhơn Trạch	15.226	14.531	95,44	48.894	47.049	96,23
5	Thống Nhất	13.037	11.391	87,37	37.414	31.672	84,65
6	Trảng Bom	19.115	18.342	95,96	92.978	89.325	96,07
7	Vĩnh Cửu	9.484	8.750	92,26	32.466	29.389	90,52
8	Xuân Lộc	19.734	18.364	93,06	57.427	56.567	98,50
9	Cẩm Mỹ	10.044	9.794	97,51	34.375	33.929	98,70
10	Định Quán	13.719	13.157	95,90	34.790	33.971	97,65
11	Tân Phú	11.970	11.425	95,45	23.040	22.222	96,45
	<b>Tổng</b>	<b>212.402</b>	<b>204.382</b>	<b>96,22</b>	<b>656.489</b>	<b>634.213</b>	<b>96,61</b>

**Lưu ý:** Số liệu tiêm vắc xin cho người trên 50 tuổi dựa trên báo cáo thực tế của các địa phương.

- Tỷ lệ tiêm đủ liều cho người từ 65 tuổi trở lên đạt 96,22%.
- Tỷ lệ tiêm đủ liều cho người từ 50 tuổi trở lên đạt 96,61%.

### 3.2. Tình hình tiêm chủng cho trẻ từ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi.

STT	Địa phương	Trẻ em (Từ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi)						
		Dân số	Số điểm tiêm	Số mũi tiêm (Mũi 1)	Tỷ lệ	Phản ứng nhẹ	Phản ứng nặng	Số vắc xin còn lại
1	Biên Hòa	93.343	77	68.873	73,78%	2	1	0
2	Long Khánh	14.057	8	14.057	100,00%	2	0	0
3	Long Thành	24.626	21	13.615	55,29%	1	0	
4	Nhơn Trạch	23.393	12	13.295	56,83%	0	0	906
5	Thống Nhất	16.405	13	12.434	75,79%	0	0	0
6	Trảng Bom	34.961	34	21.031	60,16%	0	0	
7	Vĩnh Cửu	15.893	15	9.859	62,03%	2	0	792
8	Xuân Lộc	24.646	15	16.077	65,23%			
9	Cẩm Mỹ	12.810	21	10.879	84,93%	0	0	
10	Định Quán	20.291	5	16.350	80,58%	0	0	4914
11	Tân Phú	17.908	13	8.525	47,60%	3	0	3558
	<b>Tổng</b>	<b>298.333</b>	<b>234</b>	<b>204.995</b>	<b>68,71%</b>	<b>10</b>	<b>1</b>	<b>10.170</b>

- Tỷ lệ bao phủ vắc xin mũi 1 cho trẻ từ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi đạt 68,71%.

#### 4. Công tác xét nghiệm:

	Trong ngày		Lũy kế	
	Thực hiện	Dương tính	Thực hiện	Dương tính
<b>Test nhanh</b>	3.531	1.532	1.500.665	16.598
<b>RT-PCR mẫu đơn</b>	3.376	1.358	1.959.726	221.955
<b>RT-PCR mẫu gộp</b>	933	210	345.500	26.463
<b>Lượt người thực hiện PCR</b>	5.620	1.358	3.678.107	221.955

- Số mẫu test nhanh dương tính chờ kết quả RT-PCR: 62 mẫu tại Trảng Bom
- Số mẫu nghi ngờ, gộp dương: 210 mẫu.

#### 5. Hoạt động Trạm Y tế lưu động, Tổ COVID cộng đồng:

- Triển khai Kế hoạch số 13691/KH-UBND ngày 05/11/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc Thiết lập Trạm Y tế lưu động trong bối cảnh dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Số Trạm Y tế lưu động đã triển khai: 196 TYT lưu động tại 11/11 huyện, thành phố. Trong đó:

+ 171 TYT lưu động tại địa phương: Biên Hòa (30), Trảng Bom (17), Nhơn Trạch (12), Long Thành (15), Cẩm Mỹ (13), Thống Nhất (10), Tân Phú (18), Long Khánh (15), Xuân Lộc (15), Vĩnh Cửu (12), Định Quán (14).

*(xã Phước Thái – Long Thành thành lập 02 TYT lưu động)*

+ 25 TYT lưu động tại khu công nghiệp: Biên Hòa (04), Nhơn Trạch (08), Long Khánh (01), Xuân Lộc (01), Tân Phú (01), Thống Nhất (01), Định Quán (01), Long Thành (03), Vĩnh Cửu (01), Trảng Bom (04).

- Số Tổ COVID cộng đồng đó triển khai: 10.534 tổ.

#### 6. Nhận định tình hình dịch bệnh và Kiến nghị

##### a) Nhận định tình hình dịch bệnh

- Số ca nhiễm tại cộng đồng giảm 8,6% so với hôm qua, lũy kế trong 07 ngày tăng 17,3% so với 7 ngày trước đó. Các ổ dịch mới xuất hiện rải rác, có nguồn lây đa phần liên quan đến các doanh nghiệp sản xuất và người về từ vùng có dịch. Trong ngày có 08/11 huyện/thành phố ghi nhận ca mắc mới và ca mắc cộng đồng (trừ Cẩm Mỹ, Xuân Lộc, Tân Phú). Địa phương ghi nhận nhiều nhất tại An Bình (21), Long Bình (63), Long Bình Tân (09), Phước Tân (15), Trảng Dài (16) – Biên Hòa.

- Số ca mắc mới tại cộng đồng (trừ ca mắc trong khu cách ly, nhập cảnh) /100.000 dân/tuần là 68 ca (Tổng dân số toàn tỉnh là 3.160.640 người theo báo cáo các huyện, thành phố).

- Tỷ lệ bao phủ vắc xin COVID-19 đối tượng từ 18 tuổi trở lên:

- + Mũi 1: 113,21% ; Mũi 2: 89,39%.
- Tỷ lệ tiêm đủ liều cho người từ 65 tuổi trở lên đạt 96,22%.
- Tỷ lệ tiêm đủ liều cho người từ 50 tuổi trở lên đạt 96,61%.
- Tỷ lệ bao phủ vắc xin mũi 1 cho trẻ từ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi đạt 68,71%.
- Cập nhật đánh giá phân loại cấp độ dịch mới trên địa bàn tỉnh đến ngày 25/11/2021: tỉnh Đồng Nai ở mức nguy cơ cấp độ 2, tất cả 11/11 huyện/tp đều ở cấp độ 2.

### **b) Kiến nghị**

- Các địa phương định kỳ đánh giá cấp độ dịch hàng tuần theo hướng dẫn tại Quyết định số 4800/QĐ-BYT ngày 12/10/2021 của Bộ Y tế.
- Thực hiện Chỉ thị số 20/CT-UBND ngày 23/10/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thực hiện các biện pháp tạm thời "Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19" trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và Kế hoạch số 13039/KH-UBND ngày 22/10/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về Thực hiện Quy định tạm thời "Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19" trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.
- Các sở, ngành, địa phương tăng cường triển khai thực hiện Kế hoạch số 11805/KH-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2021 về việc Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác phòng, chống dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh.
- Đẩy nhanh tiến độ tiêm chủng nhằm sớm nhất đạt mục tiêu 100% người dân toàn tỉnh được tiêm đủ liều vắc xin phòng COVID-19.
- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc lây nhiễm chéo tại các khu cách ly tập trung, bệnh viện.
- Tăng cường kiểm soát nguồn lây nhiễm tại các điểm nguy cơ cao như: chợ dân sinh, siêu thị, cơ sở sản xuất, khu công nghiệp, khu nhà trọ.

### **III. Công tác an sinh xã hội**

**Tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg trong ngày**

	<b>Trong ngày</b>	<b>Lũy kế</b>
<b>Đã phê duyệt</b>		
1. Đơn vị sử dụng lao động	0 đơn vị	9.450 đơn vị
2. Người lao động	34.043 người	1.212.765 người
3. Hộ kinh doanh	0 hộ	14.987 hộ
<b>Đã chi trả</b>		
1. Đơn vị sử dụng lao động	0 đơn vị	9.450 đơn vị
2. Người lao động	4.258 người	1.150.979 người
3. Hộ kinh doanh	0 hộ	14.322 hộ

TT	Địa phương	Lũy kế số người đã chi/số phê duyệt (người)	Lũy kế số tiền đã chi/số phê duyệt (tỷ đồng)	Tỷ lệ
1	TP. Biên Hòa	438.119/471.797	731,25/836,83	92,86
2	Cẩm Mỹ	21.224/21.224	32,00/32,00	100
3	Định Quán	36.452/36.630	55,94/56,21	99,51
4	TP. Long Khánh	53.804/53.804	85,50/85,50	100
5	Long Thành	63.745/63.745	98,39/98,39	100
6	Nhon Trạch	115.302/127.082	184,31/207,56	90,73
7	Tân Phú	42.265/45.830	63,68/76,34	92,22
8	Trảng Bom	159.631/168.652	260,26/275,20	94,65
9	Thống Nhất	31.320/31.320	47,18/47,18	100
10	Xuân Lộc	82.383/84.569	116,83/120,11	97,42
11	Vĩnh Cửu	78.244/78.641	217,46/231,05	99,50
	<b>Tổng cộng</b>	<b>1.122.489/1.183.294</b>	<b>1.892,29/2.066,39</b>	<b>94,86</b>

*Lưu ý: bao gồm người lao động tự do, lao động tạm hoãn HĐLĐ, ngừng việc trong doanh nghiệp và Hộ kinh doanh.*

Trên đây là báo cáo ngày công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai./.

**Nơi nhận:**

- Bộ Y tế;
- TU, UBND Tỉnh;
- BCĐ tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Website SYT;
- Lưu VT, NV.

**KT. CHỈ HUY TRƯỞNG  
PHÓ CHỈ HUY TRƯỞNG**

**GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ  
Phan Huy Anh Vũ**



**Phụ lục 1 : Đánh giá mức độ nguy cơ theo Quyết định số 4800/QĐ-BYT**

*(Cập nhật đến ngày 25/11/2021 tại Báo cáo số 780/BC-KSBT của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Đồng Nai)*

	<b>Huyện, thành phố</b>	<b>Xã, phường</b>
<b>Cấp 1 (Bình thường mới)</b>	00 (giảm 01)	44 (giảm 10)
<b>Cấp 2 (Nguy cơ trung bình)</b>	11 (tăng 01)	72 (giảm 9)
<b>Cấp 3 (Nguy cơ cao)</b>	00	54 (tăng 20)
<b>Cấp 4 (Nguy cơ rất cao)</b>	00	00
<b>Tỉnh Đồng Nai: Cấp 2</b> <i>(Số ca mắc mới trong cộng đồng trong tuần đạt 129 ca/100.000 dân,  tỉ lệ người từ 50 tuổi trở lên tiêm đủ liều vắc xin đạt trên 80%)  170/170 xã, phường đã thiết lập Trạm Y tế lưu động, 26/31 KCN có Trạm Y tế lưu động</i>		

**Phụ lục 2: Tình hình điều trị COVID-19**

TT	Cơ sở	Giường kế hoạch COVID	Giường thực kê COVID (con số chính xác)	Số CA + mới trong ngày (24h)	Xuất viện trong ngày (24h)	Chuyển viện trong ngày	Số ca đang điều trị	Cộng đồng			Số ca đang điều trị, trong đó							Phụ nữ có thai	BN < 16 tuổi	>= 65 tuổi	Người có bệnh lý nền và nguy cơ khác	Khả năng còn tiếp nhận
								Chuyển viện	Tử vong	Xuất viện	HFNC	Thở máy		Thở oxy	Biểu hiện lâm sàng trung bình	Nhẹ và Không triệu chứng						
												Không xâm lần (CPAP)	Xâm lần									
1	BVĐN/ HSTC	49	50	4	1	0	52		232		6	1	28	17						30		
2	BVTN/TTHSTC	200	70	9	9		129	308	411	117	13	13	25	31	54	0	2	2	44	75	0	
3	BVĐKKVLK/HSTC	100	40	7	0	0	42	62	47	77	10	1	4	19	8	0		1	18	22	0	
4	BVĐKKVLT	100	100	1	0	0	42	90	54	51	17	4	4	17	4	0	0	0	30	24	58	
5	BV Nhi ĐN	20	10	0	0	0	5	0	2	0	1	1	1	1	1	0	0	5	0	1	0	

6	BV Định Quán	60	11	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
7	BV Đồng Nai 2	10	40	3	0	0	40	136	3	795	7	0	0	33	40	0	1	0	18	35	0
<b>Tổng cộng (tầng 3)</b>		<b>539</b>	<b>321</b>	<b>24</b>	<b>10</b>	<b>0</b>	<b>310</b>	<b>597</b>	<b>749</b>	<b>1040</b>	<b>54</b>	<b>20</b>	<b>62</b>	<b>118</b>	<b>107</b>	<b>0</b>	<b>3</b>	<b>8</b>	<b>110</b>	<b>187</b>	<b>58</b>
1	Bệnh viện dã chiến số 1	350	285	27	4	0	159	33	2	2157	0	0	0	4	9	146	5	27	9	9	126
2	Bệnh viện dã chiến số 2	350	370	12	0	2	135	109	0	2416	0	0	0	12	85	170	9	75	13	15	50
3	Bệnh viện dã chiến số 3	550	500	17	25	0	83	88	0	3880	0	0	0	41	42	1	2	13	40	20	
4	Bệnh viện dã chiến số 4	360	345	4	0	0	76	74	0	2621	0	0	0	0	3	73	0	28	1	2	273
5	Bệnh viện dã chiến số 5	300	316	0	8	0	19	48	0	1783	0	0	0	0	2	17	0	3	5	7	0
6	Bệnh viện dã chiến số 6	1200	1090	17	16	1	158	133	0	6943	0	0	0	12	29	117	8	15	21	60	852
7	Bệnh viện dã chiến số 7	730	700	13	16	2	115	176	1	5629	0	0	0	15	25	78	5	8	13	26	585
8	Bệnh viện dã chiến số 8	650	600	12	0	0	127	66	0	3404	0	0	0	18	59	68	2	21	9	51	473
9	Bệnh viện dã chiến số 9	1000	662	1	0	0	533	34	1	3206	0	0	0	9	9	524	3	133	22	69	129
10	Bệnh viện dã chiến số 10	850	807	6	32	1	210	133	0	4930	0	0	0	26	30	154	8	21	34	51	597
11	Bệnh viện dã chiến số 11	3000	2590	0	100	0	72	12	0	976	0	0	0	1	10	62	1	23	1	4	
12	Bệnh viện Da liễu	150	150	5	6	0	78	24	0	813	0	0	0	3	68	10	1	5	10	25	50
13	Bệnh viện Nhi đồng	110	60	23	29	0	145	398	0	831	0	0	0	0	61	76	0	73	0	1	0
14	Bệnh viện ĐKKV Long Thành	150	150	6	12	0	61	0	0	354	0	0	0	17	30	8	1	5	26	26	89
15	Bệnh viện ĐKKV Định Quán	60	30	1	0	4	10	32	1	44	0	0	0	3	4	4	0	1	2	8	20
16	Bệnh viện Phổi	60	11	0	0	0	0		5		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
17	Bệnh viện Đồng Nai 2	40	120	9	9	3	118	136	3	795	7	0	0	33	108	10	2	2	32	55	0
18	Bệnh viện ĐH Y Dược Shing Mark	35	35	13	12	1	72	312	3	476	2			11	12	47	0	0	0	19	13
19	Trung tâm Y tế Vĩnh Cửu	20	65	10	4	0	49	34	2	360	0	0	0	6	34	9	1	3	6	6	16
20	Bệnh viện Tâm thần TW 2	400	200	1	3		20									20					
<b>Tổng cộng (tầng 2)</b>		<b>10365</b>	<b>9086</b>	<b>177</b>	<b>276</b>	<b>14</b>	<b>2240</b>	<b>1842</b>	<b>18</b>	<b>41618</b>	<b>9</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>170</b>	<b>619</b>	<b>1635</b>	<b>47</b>	<b>445</b>	<b>217</b>	<b>474</b>	<b>3293</b>
1	Biên Hòa	1980	1569	27	67	16	241	1190	13	17989	0	0	0	5	43	198	3	20	6	12	915
2	Long Khánh	400	310	8	14	0	163	73	0	352	0	0	0	0	0	163	0	14	0	0	
3	Vĩnh Cửu	784	784	54	17	2	281	1521	3	8699	0	0	0	0	0	281	0	7	1	0	500
4	Định Quán	100	89	15	0	0	84	90	0	239	0	0	0	0	0	84	0	10	5	14	15
5	Tân Phú	60	60	16	7	6	24	184	1	119	0	0	0	0	0	24	0	0	24	0	0

6	Trảng Bom	1528	1498	8	53	2	333	1697	2	5141	0	0	0	0	24	309	6	31	6	10	970
7	Thống Nhất																				
8	Xuân Lộc																				
9	Cẩm Mỹ	500	200	0	28	0	78	20	0	385	0	0	0	0	2	76	3	21	3	3	122
10	Long Thành	500	500	0	0	0	356	74	0	2086	0	0	0	0	0	356	8	66	8	150	144
11	Nhơn Trạch	4230	3000	38	302	0	859	0	16	8453	0	0	0	10	150	699	8	46	20	793	2141
<b>TỔNG CỘNG (Tầng 1)</b>		<b>10082</b>	<b>8010</b>	<b>166</b>	<b>488</b>	<b>26</b>	<b>2419</b>	<b>4849</b>	<b>35</b>	<b>43463</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>15</b>	<b>219</b>	<b>2190</b>	<b>28</b>	<b>215</b>	<b>73</b>	<b>982</b>	<b>5591</b>
<b>TỔNG TẦNG (3+2+1)</b>		<b>20986</b>	<b>17417</b>	<b>367</b>	<b>774</b>	<b>40</b>	<b>4969</b>	<b>7288</b>	<b>802</b>	<b>86121</b>	<b>63</b>	<b>20</b>	<b>62</b>	<b>303</b>	<b>945</b>	<b>3825</b>	<b>78</b>	<b>668</b>	<b>400</b>	<b>1643</b>	<b>8942</b>